

TÁC ĐỘNG CỦA LÀN SÓNG DỊCH CHUYỂN SẢN XUẤT TOÀN CẦU ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

NGUYỄN TẤN VINH^(*)
TRẦN THỊ SEN^(**)

Ngày nhận bài: 02/4/2025 Ngày thẩm định: 10/4/2025 Ngày duyệt đăng: 20/5/2025

Tóm tắt: Những vấn đề kinh tế - chính trị toàn cầu hiện nay, như xung đột quân sự, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hay kinh tế số đã dẫn đến những thay đổi sâu sắc của sản xuất, tạo thành một làn sóng dịch chuyển sản xuất theo nhiều xu hướng khác trước, điều này tác động lớn đến các nền kinh tế, đặc biệt là với các nước đang phát triển như Việt Nam. Trên cơ sở trình bày những xu hướng mới trong kinh tế - chính trị toàn cầu, bài viết phân tích làn sóng dịch chuyển sản xuất trên thế giới hiện nay và tác động đối với nền kinh tế, từ đó hàm ý những chính sách cho Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khoá: Việt Nam; làn sóng dịch chuyển sản xuất; sản xuất thông minh; kinh tế

1 Xu hướng mới trong kinh tế - chính trị và làn sóng dịch chuyển sản xuất trên thế giới hiện nay

Thứ nhất, xung đột quân sự và xu hướng dịch chuyển trung tâm địa kinh tế - chính trị toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng tăng, với tư duy về mối quan hệ biện chứng giữa an ninh và phát triển, cùng với sự phát triển của công nghệ dẫn đến sự phổ biến của các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt thì sự xung đột và cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn để giành và giữ vị thế trên trường quốc tế ngày càng phức tạp và căng thẳng dưới nhiều hình thức. Tuy nhiên, khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc

trong những thập niên tới là rất thấp, thay vào đó là những cuộc chiến tranh kiểu mới, như cuộc xung đột Nga và Ukraine hiện nay, cuộc chạy đua vũ trang và chiến tranh thương mại giữa Mỹ nói riêng và NATO nói chung với Trung Quốc, Nga và một số quốc gia khác,... Các nước lớn vẫn xem xung đột vũ trang là biện pháp quan trọng trong đối ngoại nên luôn cố gắng tăng cường vũ trang, tranh giành ảnh hưởng ở các vùng “ngoại vi” hoặc các điểm nóng trên phạm vi thế giới.

Mặc dù, những xung đột về chính trị, quân sự diễn ra rất gay gắt trên nhiều mặt, song sẽ khó đi đến xung đột và sẽ không làm đổ vỡ các mối quan hệ vì giữa các quốc gia vẫn có nhu cầu hợp tác, đôi bên cùng có lợi, đồng thời duy trì hòa bình và ổn định khu vực để tập trung theo đuổi các mục tiêu đối nội. Mặt khác, tình trạng lệ thuộc lẫn nhau giữa các nước là khá lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Bên cạnh đó, các vấn đề toàn cầu và khu vực không thể được giải quyết bởi những quốc gia riêng lẻ⁽¹⁾.

^(*) PGS, TS, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

^(**) TS, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh

Xu hướng leo thang, xung đột về chính trị, quân sự cùng với tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 đã làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát vốn đang tăng cao trên toàn cầu, bắt đầu từ giá dầu, thực phẩm, kim loại và nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất. Cùng với đó là xu hướng dịch chuyển trung tâm địa - chính trị toàn cầu sang châu Á - Thái Bình Dương nhằm khai thác các nguồn lực của khu vực này, vì đây là khu vực có tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn lao động dồi dào, có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế.

Thứ hai, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu hướng dịch chuyển sản xuất

- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xu hướng phát triển các “chuỗi cung ứng tinh gọn” sẽ được hình thành với mục tiêu chính là giảm thiểu tổn thất trong toàn bộ chuỗi cung ứng, bằng cách loại bỏ các hoạt động không tạo ra giá trị gia tăng và cải tiến các quy trình một cách liên tục. Điều này có nghĩa, các doanh nghiệp phải thực hiện sản xuất với khối lượng nhỏ hơn, nhưng phải hiệu quả kinh tế và linh hoạt hơn trước những thách thức mới của thị trường. Các sản phẩm được thiết kế phải phù hợp với thị hiếu hơn, độc đáo hơn, sản xuất với số lượng nhỏ hơn, thời gian sản xuất ngắn hơn và chi phí giảm hơn. Các sản phẩm mới có vòng đời ngắn hơn trong khi yêu cầu của người tiêu dùng là những sản phẩm phức tạp hơn, độc đáo hơn với số lượng lớn hơn nên điều này đã đặt ra nhiều thách thức cho quá trình sản xuất. Việc khai thác tài nguyên quá mức gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là một hệ lụy, nên các ngành công nghiệp phải chuyển đổi mô hình sản xuất hướng đến phát triển bền vững, đó là xu hướng “kinh tế tuần hoàn” thay cho “kinh tế tuyến tính” nhờ áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ.

- Xu hướng thay đổi về nhu cầu của khách hàng và đặc tính sản phẩm

Do nhu cầu của khách hàng ngày càng độc đáo và thay đổi nhanh chóng nên nhiều ngành công nghiệp có chiến lược khác hoàn toàn so với các thập kỷ trước. Sản xuất hàng loạt truyền

thống được thay thế bằng sản xuất hàng loạt sản phẩm độc đáo đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Sản phẩm mà họ có thể lựa chọn là gần như vô hạn và người tiêu dùng có thể tự do xác định thành phần của sản phẩm mà họ muốn đặt hàng. Chẳng hạn, trong trường hợp một chiếc xe, các biến thể của thành phẩm có thể lên tới 1.000 (sự kết hợp của màu sắc, loại động cơ, các phụ kiện khác,...), thời gian vận chuyển giảm mà chất lượng lại tăng lên. Việc sản xuất các sản phẩm có vòng đời ngắn hơn nhưng phức tạp hơn đòi hỏi công nghệ sản xuất và quy trình sản xuất phải linh hoạt hơn.

- Xu hướng thay đổi triết lý và quy trình sản xuất

Triết lý sản xuất hàng loạt truyền thống được thay thế bằng triết lý sản xuất nhỏ hơn và theo đơn đặt hàng. Kế hoạch sản xuất dựa trên dữ liệu dự báo được thay thế bằng sản xuất theo nhu cầu thực tế của khách hàng, việc sản xuất chỉ bắt đầu khi nhu cầu thực tế của khách hàng xuất hiện. Như vậy, việc sản xuất sẽ có những thuận lợi, như thời gian thực hiện ngắn hơn, kế hoạch sản xuất dựa trên nhu cầu của khách hàng, hàng tồn kho chỉ với một lượng nhỏ (nguyên liệu thô), phản ứng linh hoạt với nhu cầu thay đổi của khách hàng, liên tục cải tiến, nơi sản xuất nhỏ hơn, sử dụng nguồn lực con người và thiết bị hiệu quả hơn, năng suất cao hơn, sản xuất tinh gọn hơn,... Trọng tâm của triết lý sản xuất này là hệ thống sản xuất tinh gọn nhằm cải thiện chất lượng, giảm lãng phí và tối ưu hóa chi phí của quá trình sản xuất nhằm tăng khả năng cạnh tranh⁽²⁾.

Thứ ba, chuyển đổi mô hình tăng trưởng hướng đến phát triển bền vững diễn ra trên phạm vi toàn cầu

Tiến bộ đạt được trong những thập kỷ qua là rất sâu rộng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng cũng tác động phức tạp và khó lường đến xã hội và môi trường. Kinh doanh phát triển trên mọi lĩnh vực, kéo theo sự tăng trưởng đáng kể của nền kinh tế thế giới. Nhưng trong tương lai, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có phần suy giảm. Sau các cuộc khủng hoảng lớn, đặc biệt là khủng hoảng tài chính năm 2008 và COVID-19, quá trình phục hồi gặp nhiều khó khăn, hầu hết các

nền kinh tế đều ghi nhận mức tăng trưởng GDP không đáng kể. Ở các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là ở các nước Liên minh châu Âu và Nhật Bản, rủi ro giảm tốc vẫn tồn tại. Các nền kinh tế đang phát triển hoặc một số nền kinh tế mới nổi cũng có sự suy giảm nhanh chóng, như Mỹ Latinh và Cộng đồng các quốc gia độc lập (CIS). Tỷ lệ thất nghiệp ở mức tương đối cao, đặc biệt ở Bắc Phi, Tây châu Á và một số nền kinh tế ở Đông Nam Á⁽³⁾.

Lạm phát toàn cầu tương đối hạn chế. Chỉ một số nước phát triển và một số nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi có lạm phát cao. Trong khi đó, nhiều nước phát triển ở châu Âu phải đối mặt với nguy cơ giảm phát. Trong tương lai gần, lạm phát trung bình toàn cầu dự kiến sẽ trì trệ ở mức khoảng 03%. Thương mại thế giới cũng tăng trưởng chậm trong những năm gần đây và thấp hơn nhiều so với xu hướng trước khủng hoảng do sự gia tăng căng thẳng địa chính trị đã tác động tiêu cực đến dòng chảy thương mại⁽⁴⁾.

Bên cạnh đó, những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, gia tăng dân số, lây lan dịch bệnh, an ninh lương thực toàn cầu, việc cung cấp nhiên liệu hóa thạch và nguyên liệu thô đòi hỏi các giải pháp bền vững, điều này chỉ có thể được thực hiện thông qua nghiên cứu công nghệ mới và phổ biến những công nghệ này trong nền kinh tế. Vì vậy, một số quốc gia đã chứng minh và thực hiện chiến lược phát triển bền vững, trở thành mô hình cho các chính phủ trên thế giới. Các chiến lược này tác động tích cực không chỉ đến sự phát triển kinh tế, xã hội, mà còn đến việc bảo vệ môi trường.

Thứ tư, kinh tế số và xu hướng thay đổi ngành, nghề một cách nhanh chóng

Kinh tế số mang lại những thay đổi lớn trong nền kinh tế, một số ngành hoặc lĩnh vực sản xuất bị thay thế bởi một số ngành mới, đồng thời, một số ngành hiện tại có thể sẽ thay đổi về chất khi hàm chứa lượng công nghệ cao, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch, công nghệ sẽ thâm nhập ngày càng nhiều vào các ngành, nghề, vào quá trình sản xuất.

Trong nền kinh tế số, công nghệ mới sẽ thay đổi tính chất việc làm trên tất cả các lĩnh vực và

ngành nghề một cách nhanh chóng: (1) Việc tự động hóa sớm thay thế người lao động, làm cho người lao động bị thất nghiệp hoặc phải chuẩn bị kỹ năng mới để tìm việc khác; (2) Công nghệ mới tạo ra những ngành nghề mới, doanh nghiệp mới với hàng hóa và dịch vụ mới. Kinh tế số tạo ra hệ thống tự động hóa với nhiều công việc khác nhau, đặc biệt là những công việc lặp đi lặp lại một cách cơ học và cần sự chính xác. Bên cạnh đó, nhiều loại công việc khác cũng được tự động khi yêu cầu khả năng tính toán nhanh theo tốc độ hàm số mũ, như luật sư, chuyên gia phân tích tài chính, bác sĩ, nhà báo, kế toán, bảo hiểm, cán bộ thư viện,...

Trong chương trình nghiên cứu về tác động của công nghệ số trong tương lai tại trường Đại học Oxford, các chuyên gia đã phân tích và đưa ra bảng xếp hạng định lượng 702 nghề về khả năng tự động hóa và thay thế bằng máy tính, trong đó, nhân viên tiếp thị từ xa, nhân viên kỹ thuật thư viện có khả năng tự động hóa cao nhất (với xác suất 0.99); người định giá bảo hiểm, trọng tài thể thao, viên chức thể thao, thư ký pháp luật (với xác suất 0.98); chủ khách sạn, quán ăn, quán cà phê, người môi giới bất động sản, nhà thầu lao động nông nghiệp (với xác suất 0.97); thư ký và trợ lý hành chính ngành luật, ngành y (với xác suất 0.96), nghề chuyên phát nhanh (với xác suất 0.94) và những ngành, nghề có khả năng tự động hóa ít nhất, như chuyên gia trị liệu (với xác suất 0.0028), biên đạo múa (với xác suất là 0.0040), bác sĩ và bác sĩ phẫu thuật (với xác suất 0.0042), nhà tâm lý (với xác suất 0.0043), nhà quản lý nguồn nhân lực (với xác suất 0.0055), nhà phân tích hệ máy tính (với xác suất 0.0065), nhà nhân chủng học, nhà khảo cổ học (với xác suất 0.0077), kỹ sư hàng hải, kiến trúc sư hải quân (với xác suất 0.0100), người quản lý kinh doanh (với xác suất 0.0130) và giám đốc điều hành (với xác suất 0.0150)⁽⁵⁾.

Những thay đổi lớn về sản xuất đang đến rất nhanh cùng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số trong khi đa số người lao động vẫn thường làm việc và kiếm sống với những kỹ năng thông thường.

Chuyển đổi số về cơ bản sẽ tác động đến nền sản xuất theo những xu hướng sau: (1) Các ngành, nghề về cơ bản vẫn tồn tại như trước, chỉ có thay đổi ở công nghệ số sẽ tự động hóa phần việc của nhiều ngành, nghề, sẽ làm giảm đi một lượng việc làm đáng kể trong những ngành, nghề này; (2) Công nghệ số sẽ thâm nhập ngày càng nhiều vào các ngành, nghề, vào quá trình sản xuất, tính toán và đưa ra những quyết định đúng đắn, thông minh hơn; (3) Công nghệ số mở ra những khả năng to lớn để tạo ra nhiều ngành, nghề và công việc mới, đặc biệt là những ngành, nghề có khả năng áp dụng công nghệ số nhưng chỉ mới áp dụng ở mức thấp.

2. Những tác động và hàm ý chính sách phát triển kinh tế Việt Nam

Một là, đối với nền kinh tế Việt Nam

Những xu hướng mới của thế giới, như công nghệ thông tin, kỹ thuật số phát triển, đại dịch, biến động quan hệ kinh tế, chính trị thế giới sẽ tác động lớn đến nền kinh tế, làm đứt gãy chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu, giảm lượng cầu về lao động trong khi nhu cầu về lao động có trình độ cao lại tăng, người lao động luôn phải thích ứng với những thay đổi về công nghệ. Cùng với đó, sự dịch chuyển trung tâm địa kinh tế - chính trị sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương làm cho sức mạnh chính trị và tốc độ phát triển kinh tế của khu vực này tăng lên nhanh chóng, vì đây sẽ là điểm đến đầu tư của các nước lớn. Điều này tạo ra cơ hội và thách thức cho các nước trong khu vực, đặc biệt là những nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Trong sản xuất, sẽ có một làn sóng dịch chuyển qua nước ta. Dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ có xu hướng tăng. Đây là cơ hội để Việt Nam tận dụng nguồn lực phát triển từ các nước lớn về vốn, khoa học công nghệ, trình độ tổ chức, quản lý sản xuất, mở rộng thị trường nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm trên thị trường quốc tế. Xu hướng phát triển các ngành công nghệ cao, trong đó có công nghiệp bán dẫn, tăng cường kết nối chuỗi cung ứng với các doanh nghiệp FDI, nhất là các tập đoàn xuyên quốc gia sẽ phát triển. Việt Nam sẽ có

cơ hội đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, hạ tầng số, hạ tầng giao thông vận tải, nhất là năng lượng, thúc đẩy cải cách nền hành chính quốc gia và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, việc nhập khẩu FDI cũng tạo ra thách thức lớn cho Việt Nam, như tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức dẫn đến nguy cơ “bẫy thu nhập trung bình”, phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp tăng, nhập khẩu công nghệ lạc hậu hoặc nguy cơ lệ thuộc vào các nước lớn, các tập đoàn lớn.

Chính vì vậy, để tiếp nhận làn sóng chuyển dịch này một cách hiệu quả, Việt Nam cần có những chính sách mới để thu hút FDI, như cải cách, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài. Tiếp nhận FDI một cách có chọn lọc, coi trọng quy mô, chất lượng và hiệu quả của dòng vốn FDI, hướng mạnh dòng vốn FDI vào sản xuất các ngành công nghệ cao, năng lượng xanh để hướng đến phát triển bền vững. Do đó, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi số là những giải pháp trong tình hình mới.

Thay đổi của sản xuất trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là các sản phẩm được tạo ra và thương mại sẽ thông minh hơn, dựa trên nền tảng số. Có thể thấy, chuyển đổi số đã tạo ra cơ hội để thay đổi nhiều ngành, nghề. Đây là điều rất quan trọng, cho thấy những triển vọng lớn cho nhiều quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Những mũi nhọn về công nghệ thông tin, nông nghiệp, du lịch, may mặc, ... trong định hướng phát triển đất nước đều là những dịch vụ còn rất mờ, là những “vùng đất” hiện có sự tham gia của công nghệ rất ít. Đây chính là điểm cần lưu ý cho những nhà hoạch định chính sách, trung tâm đào tạo hướng tới.

Kinh tế số nói riêng và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói chung sẽ cấu trúc lại cơ cấu việc làm và ngành, nghề của các quốc gia. Các quốc gia có nền kinh tế phát triển như Việt Nam sẽ phải đối diện với sự chuyển đổi về việc làm, có tính đứt gãy sớm hơn do trình độ sử dụng công nghệ cao hơn và thay đổi công nghệ trong nền sản xuất nhanh hơn. Hậu quả là tình trạng thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo và tụt hậu xã hội

sẽ ngày càng gia tăng, nên cần có những chính sách hiệu quả để hạn chế tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội.

Theo đó, trong trung hạn, Việt Nam cần chú trọng vào thị trường trong nước, sẵn sàng đón nhận làn sóng FDI. Trong dài hạn, cần tập trung vào chiến lược nhằm thay đổi tư duy phát triển, đổi mới sáng tạo để tăng trưởng nhanh và bền vững, thoát bẫy thu nhập trung bình. Đồng thời, phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ; “tập trung vừa phải” là từ khóa mới cho vấn đề đô thị hóa để vừa tập trung vừa giãn cách và hồi quy các giá trị truyền thống về an sinh xã hội.

Hai là, đối với doanh nghiệp Việt Nam

Xu hướng dịch chuyển sản xuất trong bối cảnh mới với những tác động của việc ứng dụng công nghệ số và kết nối vào sản xuất, kinh doanh tác động lớn đến doanh nghiệp. Cụ thể là những đột phá về công nghệ, những tiến bộ vượt bậc trong tự động hóa và công nghệ 3D đang nảy sinh nguy cơ đảo ngược dòng thương mại theo hướng bất lợi cho các nước có trình độ phát triển trung bình như Việt Nam. Khi FDI vào, nếu các doanh nghiệp trong nước có khả năng liên doanh, liên kết để chuyển giao công nghệ, học hỏi trình độ tổ chức, quản lý, nâng cao trình độ tay nghề của người lao động, tăng năng suất lao động thì sẽ làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Ngược lại, nếu FDI vào mà doanh nghiệp trong nước không thể tận dụng để liên doanh, liên kết thì nguy cơ “phân hóa nền kinh tế” là rất lớn.

Để giải quyết bài toán này, các doanh nghiệp trong nước phải chủ động áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ, chủ động đầu tư, cải tiến công nghệ, nghiên cứu, học hỏi và ứng dụng những mô hình, phương thức kinh doanh mới, đào tạo lao động chất lượng cao, liên kết với doanh nghiệp nước ngoài để chuyển giao công nghệ và trình độ tổ chức, quản lý, tăng năng suất lao động để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, trong bối cảnh nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng khan hiếm, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng dẫn đến sự biến đổi khí hậu theo hướng bất lợi trên toàn

cầu, các doanh nghiệp cần hướng đến mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn thay cho mô hình tuyến tính trước đó. Ngoài ra, trong sản xuất cần hướng đến chiến lược sản xuất dựa trên việc nắm bắt nhu cầu của khách hàng để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Ba là, đối với người lao động

Những tác động của kinh tế số vào những ngành lao động giản đơn (giày da, may mặc), công nghiệp chế biến, lắp ráp điện tử... ở nước ta là rất lớn. Theo ước tính của Hiệp hội Công nghiệp Giày dép Bồ Đào Nha (APICCAPS), hiện châu Á sản xuất 87% lượng giày dép trên thế giới, Trung Quốc là “công xưởng” lớn nhất, theo sau là Ấn Độ và Việt Nam. Theo hãng tin Reuters, hiện Việt Nam đang sản xuất khoảng 42% lượng giày của hãng Nike, 39% lượng giày của Adidas. Vì vậy, khi các hãng này chuyển sang sử dụng công nghệ tự động thì Việt Nam sẽ là một trong những quốc gia đi đầu chịu tác động đến người lao động⁽⁶⁾.

Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đưa ra đánh giá về nguy cơ mất việc do tự động hóa sản xuất trong tương lai của các nước Đông Nam Á, trong đó, Việt Nam là quốc gia dễ bị tổn thương nhất với tỷ lệ 70% (xem Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ công nhân có nguy cơ mất việc cao do tự động hóa trong sản xuất ở Đông Nam Á

Quốc gia	Tỷ lệ
Việt Nam	70%
Cambodia	57%
Indonesia	56%
Philippines	49%
Thái Lan	44%

Nguồn: Tổ chức Lao động quốc tế (năm 2016), Đông Nam Á trong dịch chuyển: công nghệ đang thay đổi công việc và doanh nghiệp thế nào

Tổ chức này cũng đưa ra đánh giá về tỷ lệ nguy cơ mất việc ở năm ngành, nghề sản xuất chính ở các nước Đông Nam Á, trong đó, ngành dệt may của Việt Nam có nguy cơ rủi ro lên tới 86% (xem Bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ nguy cơ mất việc cao trong các lĩnh vực lao động chính ở Đông Nam Á

Quốc gia	Ngành	Tỷ lệ
Việt Nam	Máy mặc	86%
Cambodia	Máy mặc	88%
Indonesia	Bán lẻ	85%
Philippines	Trung tâm điện thoại	89%
Thái Lan	Động cơ ô tô	73%

Nguồn: Tổ chức Lao động quốc tế (năm 2016), Đông Nam Á trong dịch chuyển: công nghệ đang thay đổi công việc và doanh nghiệp thế nào

Trong nền kinh tế số, nhiều việc làm, đặc biệt là việc làm “thủ công” sẽ bị thay thế bởi lao động có trình độ cao hoặc bởi công nghệ, đồng thời cũng sẽ làm tăng việc làm ở những ngành kinh tế đòi hỏi kỹ thuật cao hay những ngành đòi hỏi giao tiếp xã hội và sẽ làm giảm hoặc xóa sổ việc làm ở các ngành kinh tế khác⁽⁷⁾.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói chung và kinh tế số nói riêng đang thúc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta, xuất hiện ngày càng đông đảo đội ngũ lao động sáng tạo trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thiết kế, nghệ thuật, văn hóa, giải trí, truyền thông, giáo dục - đào tạo, y tế, pháp luật. Cùng với sự phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số, lao động sáng tạo ngày càng đóng vai trò quan trọng.

Có thể thấy, nguồn nhân lực đã, đang và sẽ tiếp tục bị thay thế bởi tự động hóa, rô bốt và trí tuệ nhân tạo. Do đó, quá trình điều chỉnh sẽ rất khó khăn và có thể là đảo ngược quá trình chuyển dịch lao động ra khỏi ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng đối với khu vực chính thức của nền kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa đất nước. Các nghiên cứu cho thấy, nguy cơ lao động trình độ thấp sẽ dễ bị thay thế bởi tự động hóa, do đó, để đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh mới ở Việt Nam cần: (1) Nâng cao nhận thức về nguồn nhân lực số; (2) Tuyên truyền về những tác động của bối cảnh mới lên

các ngành nghề và người lao động; (3) Đào tạo, huấn luyện cho người lao động những kỹ năng cần thiết để họ xây dựng kế hoạch cho những tình huống công việc và cuộc sống trong tương lai; (4) Chú trọng những nội dung liên quan đến công nghệ số trong chương trình giáo dục phổ thông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cơ bản về toán học, tin học và ngoại ngữ; (5) Điều chỉnh chương trình đào tạo ở bậc đại học và dạy nghề gắn với công nghệ số; (6) Xây dựng các chương trình đào tạo lại cho người lao động; (7) Xây dựng và đào tạo lại lực lượng nòng cốt về khoa học, công nghệ số nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển; (8) Rèn luyện khả năng tự học, tự đào tạo, khả năng thích nghi của người lao động □

(1) Vũ Văn Hiền, *Một số xu hướng phát triển của thế giới hiện nay*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 22/7/ 2023

(2) và (3) Afontsev, S. *New trends in global economy. Mirovaia ekonomika i mezhdunarodnye otnosheniia*, 63(5), 36-46, 2019

(4) Kovács, G., & Kot, S. *New logistics and production trends as the effect of global economy changes. Polish Journal of Management Studies*, 14(2), 115-126, 2016

(5) Frey C.B, Osborne M. (2013). *The future of employment: how susceptible are jobs to computerisation.*

(6) Think Tank Vinasa, *Việt Nam thời chuyển đổi số*, Nxb Thế giới, 2019

(7) World Bank Group, *World development report 2016: Digital dividends*, <https://books.google.com.vn/>, 2016